

Số: 128 /TTr-UBND

Bù Đóp, ngày 14 tháng 12 năm 2022

**TỜ TRÌNH**

Đề nghị HĐND huyện thông qua việc điều chỉnh một số nội dung tại Nghị quyết 07/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND huyện

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện.

Căn cứ Nghị quyết số 04 –NQ/TU ngày 18/5/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Phước về chuyển đổi số đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 312/KH-UBND ngày 13/10/2021 của UBND tỉnh Bình Phước về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 04 –NQ/TU ngày 18/5/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Phước về chuyển đổi số đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Kế hoạch số 23-KH/HU ngày 16/8/2021 của Huyện ủy Bù Đóp về triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/5/2021 của tỉnh ủy Bình Phước về chuyển đổi số đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND huyện về việc thông qua danh mục đầu tư công thực hiện lộ trình chuyển đổi số giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn huyện Bù Đóp;

Ngày 20/7/2022, HĐND huyện thông qua Nghị quyết số 07/NQ-HĐND về việc thông qua danh mục đầu tư công thực hiện lộ trình chuyển đổi số giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn huyện Bù Đóp.

Thực hiện Nghị quyết trên, UBND huyện đã tiến hành triển khai cho các cơ quan, đơn vị là chủ đầu tư tổ chức thực hiện các hạng mục, dự án. Tuy nhiên, do tính chất chuyên môn, nghiệp vụ và những phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện; Nay UBND huyện báo cáo, xin ý kiến HĐND huyện xem xét, thông qua việc điều chỉnh Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 20/7/2022, cụ thể như sau:

**1. Điều chỉnh tiêu đề Nghị quyết; cụ thể:**

- Tiêu đề cũ: “*Nghị quyết về việc thông qua danh mục đầu tư công thực hiện lộ trình chuyển đổi số giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn huyện Bù Đóp*”.

- Nay đề nghị điều chỉnh thành: “*Nghị quyết về việc thông qua danh mục thực hiện lộ trình chuyển đổi số giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn huyện Bù Đóp*”.

**2. Điều chỉnh tiêu đề Điều 1 của Nghị quyết; cụ thể:**

- Tiêu đề cũ: “*Thông qua danh mục đầu tư công thực hiện lộ trình chuyển đổi số giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn huyện Bù Đóp*”.

- Nay đề nghị điều chỉnh thành: “*Thông qua danh mục thực hiện lộ trình chuyển đổi số giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn huyện Bù Đốp*”.

\* Lý do điều chỉnh:

- Để huy động được tất cả các nguồn vốn.

### **3. Điều chỉnh Phụ lục danh mục kèm theo Nghị quyết.**

- Bỏ cột đơn vị chủ trì và cột đơn vị phối hợp thực hiện trong phần phụ lục kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 20/7/2022.

\* Lý do điều chỉnh: UBND huyện chủ động giao danh mục thực hiện cho đơn vị phụ trách phù hợp chức năng nhiệm vụ.

- Điều chỉnh nguồn kinh phí đầu tư các hạng mục theo năm thực hiện.

\* Lý do điều chỉnh: Phù hợp tình hình thực tế, nhu cầu đầu tư các hạng mục theo năm; tổng nguồn vốn thực hiện không thay đổi.

(*Kèm theo Nghị-quyết và phụ lục sau khi đã điều chỉnh*).

Kính mong HĐND huyện xem xét, chấp thuận để UBND huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan có căn cứ, triển khai thực hiện./.

*Nơi nhận:*

- Như trên.
- Lưu VT



*Nguyễn Minh Phong*

**DANH MỤC VÀ KINH PHÍ ĐẦU TƯ THỰC HIỆN TỔ TRẠNG CHUYÊN ĐỔI SỐ GIAI ĐOẠN 2022-2025**

(Ban hành kèm theo Tờ trình số 47/TT-TUBND ngày 20/08/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Bù Đốp)



Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Tổng	Dự kiến kinh phí					GHI CHÚ
				Trong đó:					
				2021	2022	2023	2024	2025	
<b>I</b>	<b>Các nội dung thực hiện chuyên đổi số</b>								
<b>1</b>	<b>Nâng cao chất lượng đội ngũ</b>								
1.1	Tổ chức các hội nghị về “Chính quyền điện tử và chuyên đổi số”	2021-2025	190			70	50	70	
1.2	Tập huấn nâng cao trình độ CNTT, ATTT, sử dụng các hệ thống thông tin của tỉnh cho cán bộ chủ chốt cấp huyện, xã và cán bộ chuyên trách, công chức, viên chức phụ trách CNTT huyện, xã.	Năm 2022 tổ chức 14 lớp (các năm sau mỗi năm 4 lớp)	496		196	100	100	100	
<b>2</b>	<b>Triển khai các ứng dụng phục vụ xây dựng Chính quyền số</b>								
<b>2.1</b>	<b>Xây dựng hạ tầng số</b>								
2.1.1	Trang bị thiết bị CNTT cho các cơ quan, đơn vị để thực hiện nhiệm vụ Chuyên đổi số, vận hành chính quyền số	2022-2025	1.400		800	200	200	200	
2.1.2	Mua sắm thiết bị văn phòng và màn hình hiển thị Phòng họp Huyện ủy, Ủy ban huyện và các phòng họp trực tuyến.	2022-2025	3.100		1.800	600	500	200	
2.1.3	Xây dựng công thông tin điện tử cho huyện kết nối 7 xã, thị trấn	2022-2025	350		200	50	50	50	
2.1.4	Lắp đặt Wifi sử dụng miễn phí ở một số điểm trên địa bàn thị trấn Thanh Bình gắn với nhiệm vụ thực hiện Đề án xây dựng Đô thị văn minh	2022-2024	770		470		300		
2.1.5	Xây dựng phần mềm Quản lý hạ tầng Công trình công cộng	2022	300		300				
2.1.6	Đầu tư mua sắm máy tính 7 xã, thị trấn (04 bộ/xã, TT) + 02 máy scans	2022-2023	416		181	235			
2.1.7	Đầu tư mua sắm cơ quan thường trực ban chỉ đạo chuyên đổi số (phòng VH TT) 04 bộ máy vi tính, 01 máy chiếu phục vụ tập huấn	2022	93		93				
2.1.8	Triển khai Hệ thống xử phạt hành chính.	2022-2025	340		280	20	20	20	
2.1.9	Triển khai đề án lắp đặt camera an ninh từ nguồn ngân sách huyện theo kết luận của Ban Thường vụ huyện ủy.	2022	2.800		2.800				
2.2.0	Đầu tư đường truyền dữ liệu dân cư cấp căn cước công dân phục vụ Trung tâm hành chính công	2022	180		180				
<b>3</b>	<b>Xây dựng xã hội số</b>								
3.1	Tổ chức tuyên truyền cho người dân về việc sử dụng các dịch vụ công, ứng dụng di động Bình Phước, các dịch vụ tiện ích trong chuyên đổi số	2021-2025	300			100	100	100	
<b>4</b>	<b>Xây dựng kinh tế số</b>								
4.1	Số hóa công tác thu phí DVC, Giáo dục, Y tế, CTCC, đóng góp nhân dân	2022-2025	1.200			400	400	400	
<b>5</b>	<b>Chuyên đổi số một số ngành, lĩnh vực</b>								
5.1	Triển khai các giải pháp Giáo dục thông minh								

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí					GHI CHÚ	
			Tổng	Trong đó:					
				2021	2022	2023	2024		2025
5.1.1	Số hóa ngành giáo dục và triển khai thí điểm trường học thông minh	2021-2025	7.500		192	3.000	2.308	2.000	
5.2	<i>Triển khai dịch vụ lĩnh vực Y tế</i>								
5.2.1	Số hóa ngành y tế và triển khai thí điểm Bệnh viện thông minh từ huyện đến tuyến xã.	2022-2025	3.700			1.200	1.200	1.300	
<b>II</b>	<b>Kiểm tra, đánh giá kết quả triển khai</b>								
1	Tổ chức kiểm tra, đánh giá công tác triển khai	2022-2025	150			50	50	50	
2	Tổ chức hội nghị sơ, tổng kết công tác triển khai chuyển đổi số hàng năm	2022-2025	180			60	60	60	
	<b>Tổng</b>		<b>23.465</b>			<b>7.492</b>	<b>6.085</b>	<b>5.338</b>	<b>4.550</b>

**Ghi chú:** UBND huyện có trách nhiệm giao chi tiết nội dung thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số phù hợp các đơn vị chuyên môn phụ trách theo từng nội dung.